TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Phạm Quốc Tuấn;

2. Bà Phạm Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1989;
Đăng ký thường trú: Thôn 6 Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Số nhà 01, đường ĐX08, tổ 43, khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh B. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị L kết hôn với anh Nguyễn Văn C là tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/01/2007 tại Uỷ ban nhân dân xã N (nay là T), huyện L, tỉnh Hà Nam.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng nhà với bố mẹ chồng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng hai năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do

anh C thường xuyên rượu chè, nhiều lần say xỉn về nhà chửi vợ con và gia đình, chị và gia đình khuyên bảo anh C nhiều lần nhưng anh C không nghe, ngày càng uống rượu nhiều hơn, thậm chí còn đánh đập chị, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, kéo dài. Đến tháng 5/2013, anh C tìm đến tận chỗ chị làm việc chửi bới, túm cổ áo định đánh chị nhưng chị chạy được, do sợ bị anh C đánh đập nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Sau đó anh C đến nhà xin lỗi chị nhưng chị không đồng ý về đoàn tụ cùng anh C.

Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn với anh C.

- *Về con chung:* Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 27/10/2007 và cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày 30/9/2009, hiện nay 02 cháu đều đang sinh sống cùng với anh C.

Nếu vợ chồng ly hôn, chị đề nghị để anh C tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh C yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung thì chị nhất trí cấp dưỡng nuôi cả 02 cháu là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi; nếu anh C không yêu cầu chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác:* Chị L không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn C; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do; chị L đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

** Tại phiên toà:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên toà sơ thẩm. Tại phiên toà, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xét xử xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho ly hôn giữa chị L, anh C theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Giao cháu

Nguyễn Văn H1 và cháu Nguyễn Văn H2 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh C. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Trần Thị L cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Văn C không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng; nguyên đơn chị Trần Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C thường xuyên uống rượu say xỉn, về nhà chửi vợ con và gia đình, khi chị và gia đình khuyên bảo anh C không nghe, thậm chí còn đánh chị L. Khoảng tháng 5/2013, anh C đến chỗ chị L làm việc, chửi bới, định đánh chị L nhưng chị chạy thoát được, từ đó chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, ly thân với anh C cho đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương và nơi cư trú của anh C, ghi ý kiến của bà Ngô Thị T (là mẹ đẻ của anh C), đều xác định nguyên nhân vợ chồng chị L - anh C xảy ra mâu thuẫn do anh C thường xuyên rượu chè, say xỉn dẫn tới vợ chồng cãi nhau, mâu thẫn căng thẳng nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C không hợp tác làm việc, không tham gia hoà giải, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 27/10/2007 và cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày 30/9/2009, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay 02 cháu đều đang sinh sống cùng với anh Cảnh, cuộc sống sinh hoạt và học tập ổn định. Chị L đề nghị để anh C tiếp tục nuôi

dưỡng cả hai con; ý kiến của cháu H và cháu H đều có nguyện vọng được ở cùng với anh C.

Xét nguyện vọng của cháu H1, cháu H1 và ý kiến của chị L là chính đáng, phù hợp với thực tế và điều kiện ăn ở, sinh hoạt, học tập của các cháu. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập nhiều lần, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh C, nhưng anh C không đến Toà án làm việc và không có ý kiến gì về việc chị L khởi kiện ly hôn cũng như việc giải quyết nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu H1 và cháu H2 cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C. Nếu anh C có đề nghị thay đổi nuôi con chung hoặc có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi anh C có đơn yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 238; các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 27/10/2007 và cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày 30/9/2009 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn C. Sau khi ly hôn, nếu anh C đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi anh C có đơn yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng

các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0003679 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Quốc Huy